

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính

1. Công bố sửa đổi các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục I của Quyết định này.
2. Công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục II của Quyết định này.
3. Công bố bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục III của Quyết định này.
4. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được sửa đổi tại Phụ lục IV của Quyết định này.
5. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được bổ sung tại Phụ lục V của Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật các thủ tục hành chính được công bố bổ sung, sửa đổi và thay thế vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

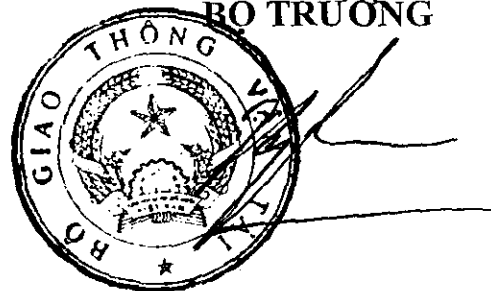
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Các doanh nghiệp hàng không;
- Lưu: VT, PC (03).



Trương Quang Nghĩa


Phụ lục I
DANH MỤC THU TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI
(Kèm theo Quyết định số 243/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



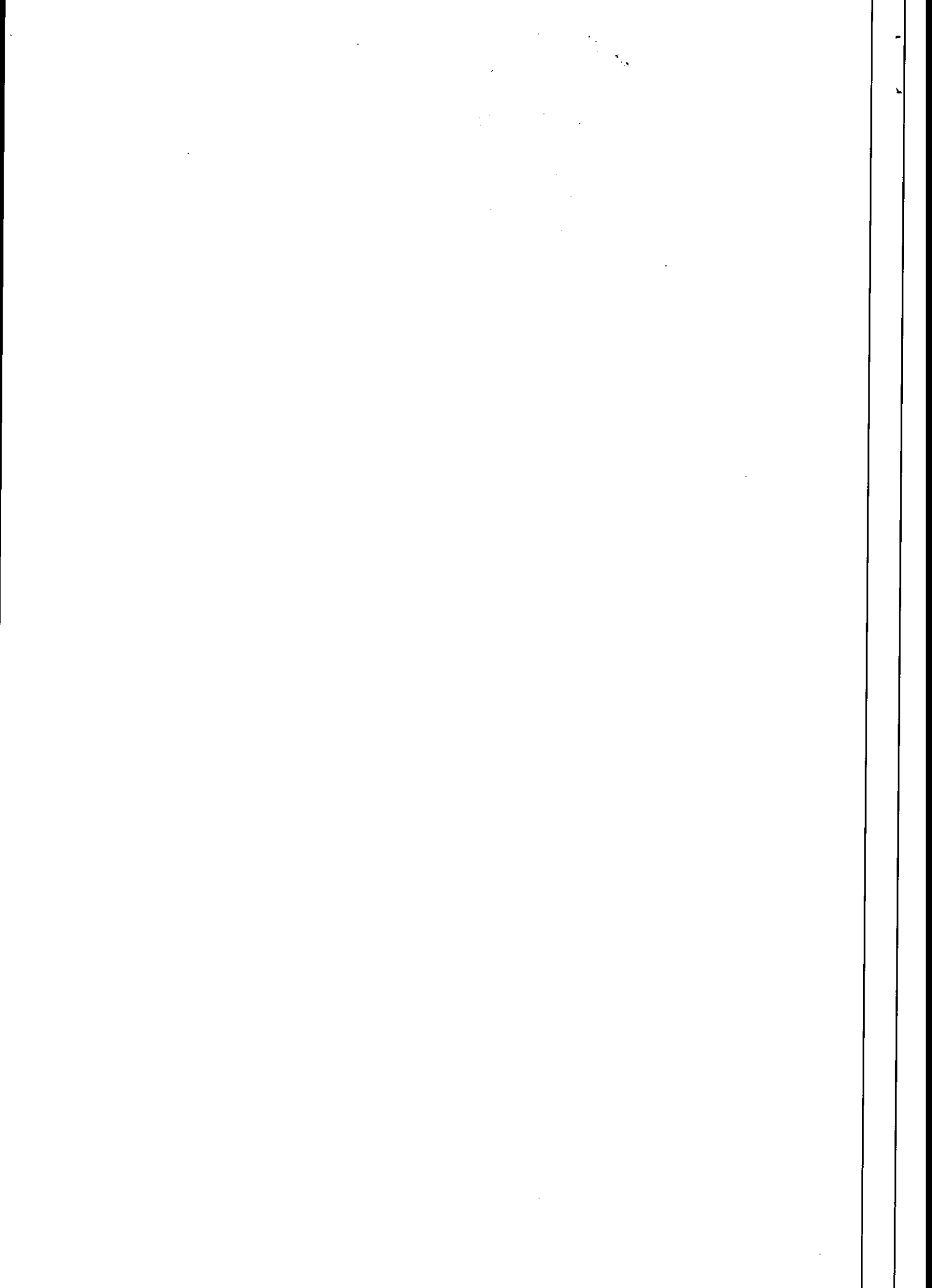
STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
2.	Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
3.	Chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài	Hàng không	Cục HKVN
4.	Phê duyệt quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	Hàng không	Cục HKVN
5.	Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục HKVN	Hàng không	Cục HKVN
6.	Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục HKVN	Hàng không	Cục HKVN
7.	Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ HK	Hàng không	Cảng vụ HK
8.	Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ HK	Hàng không	Cảng vụ HK
9.	Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ HK	Hàng không	Cảng vụ HK
10.	Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ HK và người khai thác cảng hàng không sân bay	Hàng không	Cảng vụ HK, Người khai thác cảng HK, SB
11.	Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ HK và người khai thác cảng hàng không sân bay	Hàng không	Cảng vụ HK, Người khai thác cảng HK, SB
12.	Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn	Hàng không	Cảng vụ HK, Người khai thác cảng HK, SB
13.	Cấp lại giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không do hết thời hạn, hiệu lực, mất, hỏng	Hàng không	Cục HKVN
14.	Cấp gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không	Hàng không	Cục HKVN

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THUẬT HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG
(Kèm theo Quyết định số 190/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên THHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
2.	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN
3.	Chấp thuận sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài	Hàng không	Cục HKVN
4.	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	Hàng không	Cục HKVN

 **Phụ lục III**
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BẮI BỎ
(Kèm theo Quyết định số 230/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Phê duyệt quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	Hàng không	Cục HKVN
2	Cấp giấy phép khai thác trang thiết bị an ninh hàng không	Hàng không	Cục HKVN



THÔNG Phụ lục IV
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI
(Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay có nhu cầu phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Việt) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....
V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình:¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

2. Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hãng hàng không có nhu cầu phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Việt) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không Việt Nam đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu Hãng hàng không bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu hãng hàng không bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

3. Chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hãng hàng không có nhu cầu Chấp thuận Chương trình an ninh hàng gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Anh) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định chấp thuận nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không nước ngoài đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu Hãng hàng không bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không nước ngoài chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu hãng hàng không bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận theo mẫu;
- Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài;
- Bảng đánh giá nội dung khác biệt của Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....
V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

4. Phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không (Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; doanh nghiệp xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay) có nhu cầu phê duyệt Quy chế an ninh hàng không gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Việt) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không bổ sung, sửa đổi nếu Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Quy chế an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Quy chế an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Quy chế an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Quy chế, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

(Recipients)

- Như trên;

- ...;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

5. Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan có nhu cầu đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và thẩm định hồ sơ về đối tượng và điều kiện cấp thẻ như sau:

- Cấp thẻ trong trường hợp đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ;
- Trường hợp không đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trường hợp hồ sơ có vấn đề chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp mới:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng, kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);
- 01 ảnh màu theo quy định như trên hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng không Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 150.000 đồng/ thẻ;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;
- Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

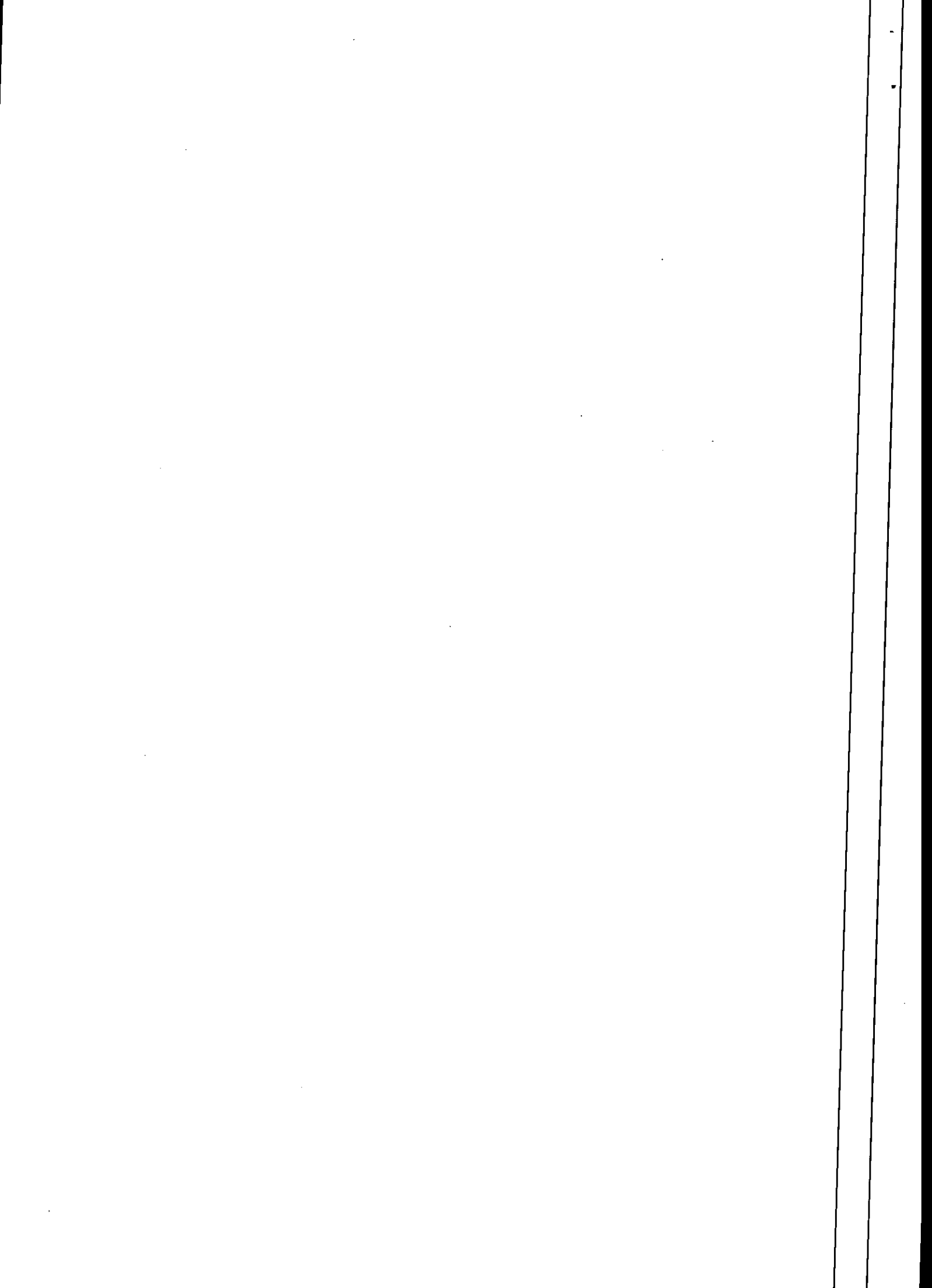
- Cán bộ, nhân viên có hợp đồng không xác định thời hạn của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- Nhân viên của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch; doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không và doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình tại cảng hàng không, sân bay;
- Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương;
- Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;
- Người điều khiển phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát.

b) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

c) Được cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay, trừ đối tượng điều khiển phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.



MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

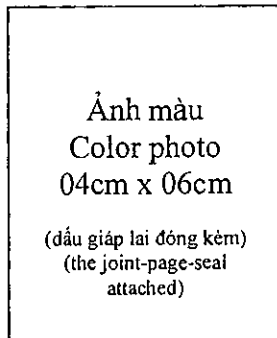
Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness



..., ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi:

To:

BẢN KHAI CÁ NHÂN số:¹

Personal Statement Form No:

1. Họ và tên (Full Name):
2. Giới tính (Gender):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh (Date of birth): ... / ... / ...
4. Dân tộc (Ethnic group):.....
5. Quê quán (Hometown):
6. Tôn giáo (Religion):
7. Quốc tịch (Nationality):
8. Chức vụ (Position):
9. Điện thoại liên lạc (Tel):.....
10. Chỗ ở hiện nay (Present address):.....
-
11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân (National ID card)/ Hộ chiếu (Passport No):.....
12. Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp (Place of issue):.....
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (Working place):
.....
14. Thời hạn làm việc (Length of work):
 - 14.1. Biên chế nhà nước (Permanent)
 - 14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (Undefined-term contract)
 - 14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (Definite-term contract)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)
 - 14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (Seasonal contract)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)
15. Đặc điểm nhận dạng (Identity):
-

(Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân)
(Provide identity characteristics based on the national ID cards)

16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (Brief personal background for the last five years):

¹ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời gian (Time)	Đơn vị công tác (Working place)	Chức vụ, công việc (Positions and duties)

17. Kỷ luật (Discipline):

18. Tiền án, tiền sự (Previous convictions):

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có) (Security permit number (if any)):

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas):... ..

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (Levels of activities in restricted areas):

- Thường xuyên (Regular)

- Không thường xuyên (Irregular)

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (Activities in restricted areas)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hoá (Passenger, baggage and cargo handling)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (Aircraft maintenance, repair and cleaning)	<input type="checkbox"/>
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (Aircraft catering, refueling...)	<input type="checkbox"/>
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay (Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)	<input type="checkbox"/>
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport)	<input type="checkbox"/>
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (Airport/ terminal equipment maintenance)	<input type="checkbox"/>
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (Providing business and services at the terminal)	<input type="checkbox"/>
Làm các công việc khác phục vụ chuyến bay (Providing other services for flights)	<input type="checkbox"/>
Phục vụ chuyên cơ (VVIP flights)	<input type="checkbox"/>
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (Assisting visa for tourists)	<input type="checkbox"/>
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị (Welcoming and seeing off company's visitors)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan (Performing duties of the police, army and customs)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác (Professional tasks of competent authorities)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga (Terminal facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay (Airport facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Công việc khác (Other activities)	<input type="checkbox"/>

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên (Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above):... ..

.....

.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (Which area(s) do you apply for?):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------

area))	
Khu vực sân đỗ tàu bay (<i>Aircraft parking area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (<i>Runways and taxiways</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (<i>Baggage sorting and loading area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (<i>Transit/transfer area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (<i>Cargo and mail sorting and loading area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (<i>VVIP Flight Lounges</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (<i>Baggage reclaim area at Arrival Terminal</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (<i>Passenger check-in area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hoá, bưu gửi (<i>Cargo and mail accepting and holding area</i>)	<input type="checkbox"/>
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (<i>Airport/aerodrome water and electricity supply area</i>)	<input type="checkbox"/>
Các khu vực khác (<i>Other areas</i>)	<input type="checkbox"/>

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for?*
(Specify the name of each airport):

Nội Bài	<input type="checkbox"/>	Điện Biên	<input type="checkbox"/>	Cát Bi	<input type="checkbox"/>	Thọ Xuân	<input type="checkbox"/>
Vinh	<input type="checkbox"/>	Đồng Hới	<input type="checkbox"/>	Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>	Phú Bài	<input type="checkbox"/>
Chu Lai	<input type="checkbox"/>	Pleiku	<input type="checkbox"/>	Phù Cát	<input type="checkbox"/>	Tuy Hoà	<input type="checkbox"/>
Cam Ranh	<input type="checkbox"/>	Buôn Ma Thuột	<input type="checkbox"/>	Liên Khương	<input type="checkbox"/>	Côn Sơn	<input type="checkbox"/>
Cần Thơ	<input type="checkbox"/>	Rạch Giá	<input type="checkbox"/>	Cà Mau	<input type="checkbox"/>	Phú Quốc	<input type="checkbox"/>
Tân Sơn Nhất	<input type="checkbox"/>						

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý (*I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment*).

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (*I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations*).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(*Signature and full name of applicant*)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ (*Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit*).

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà: là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20 (*I hereby certify that Mr./Mrs is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above*).

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà)
...không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ...
cấp; không áp dụng đối với người có thân phận ngoại giao); các mục từ 01 đến 21 khai là
đúng sự thật (*I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that
Mr./Mrs has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by the Justice
Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct*).

Không áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp đối với người thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ
chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương và người có thân phận ngoại giao (*The
Criminal Record evidence is not required for applicants who are Vietnamese government officials and
diplomats*).

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong Bản khai này của ông (bà) là
đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định (*I certify
that all information provided in this application are true and correct; otherwise I would take full responsibility.*)

Ngày ... tháng ... năm...

(DD/MM/YY)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu
ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in 22
paragraphs must be filled; otherwise the application will be rejected*).

6. Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ quan có nhu cầu đề nghị cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và thẩm định hồ sơ về đối tượng và điều kiện cấp thẻ như sau:

- Cấp thẻ cho người đề nghị trong trường hợp đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ;
- Trường hợp không đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trường hợp hồ sơ có những vấn đề chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

* Cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phong nền màu trắng, không quá 06 tháng, kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);
- 01 ảnh màu theo quy định như trên hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

* Cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, (ảnh chụp trên phong nền màu trắng, không quá 06 tháng, kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

* Cấp lại do bị mất thẻ:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ;

- Văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất.

* Cấp lại do bị thu giữ thẻ:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ;

- Văn bản kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật và bản kiểm điểm cá nhân có nhận xét đánh giá của cơ quan xử lý vi phạm, kỷ luật.

* Cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

- Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

- 01 ảnh màu theo quy định như trên hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ

* Cấp lại do thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;
- Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

- Cán bộ, nhân viên có hợp đồng không xác định thời hạn của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- Nhân viên của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch; doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không và doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình tại cảng hàng không, sân bay;
- Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương;
- Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;
- Người điều khiển phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát.

b) Điều kiện để được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

- Không có án tích theo quy định của pháp luật;
- Được cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay, trừ đối tượng điều khiển Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;
- Chỉ những người của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phục vụ chuyên cơ và được giao nhiệm vụ chuyên trách thường xuyên phục vụ chuyên bay, đoàn khách chuyên cơ mới được cấp vào khu vực chuyên cơ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

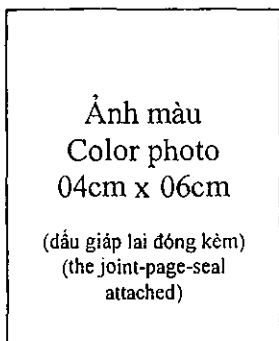
Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness



..., ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi:

To:

BẢN KHAI CÁ NHÂN SỐ:¹

Personal Statement Form No:

1. Họ và tên (Full Name):
2. Giới tính (Gender):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh (Date of birth): ... / ... / ...
4. Dân tộc (Ethnic group):.....
5. Quê quán (Hometown):
6. Tôn giáo (Religion):
7. Quốc tịch (Nationality):
8. Chức vụ (Position):
9. Điện thoại liên lạc (Tel):.....
10. Chỗ ở hiện nay (Present address):.....
.....
11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân (National ID card)/ Hộ chiếu (Passport No):.....
12. Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp (Place of issue):.....
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (Working place):
.....
14. Thời hạn làm việc (Length of work):
 - 14.1. Biên chế nhà nước (Permanent)
 - 14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (Undefined-term contract)
 - 14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (Definite-term contract)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)
 - 14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (Seasonal contract)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)
15. Đặc điểm nhận dạng (Identity):

(Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân)
(Provide identity characteristics based on the national ID cards)

16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (Brief personal background for the last five years):
.....

¹ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời gian (Time)	Đơn vị công tác (Working place)	Chức vụ, công việc (Positions and duties)

17. Kỷ luật (Discipline):

18. Tiền án, tiền sự (Previous convictions):

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có) (Security permit number (if any)):

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas):.....

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (Levels of activities in restricted areas):

- Thường xuyên (Regular)

- Không thường xuyên (Irregular)

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (Activities in restricted areas)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hoá (Passenger, baggage and cargo handling)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (Aircraft maintenance, repair and cleaning)	<input type="checkbox"/>
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (Aircraft catering, refueling...)	<input type="checkbox"/>
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay (Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)	<input type="checkbox"/>
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport)	<input type="checkbox"/>
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (Airport/ terminal equipment maintenance)	<input type="checkbox"/>
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (Providing business and services at the terminal)	<input type="checkbox"/>
Làm các công việc khác phục vụ chuyên bay (Providing other services for flights)	<input type="checkbox"/>
Phục vụ chuyên cơ (VVIP flights)	<input type="checkbox"/>
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (Assisting visa for tourists)	<input type="checkbox"/>
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị (Welcoming and seeing off company's visitors)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan (Performing duties of the police, army and customs)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác (Professional tasks of competent authorities)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga (Terminal facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay (Airport facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Công việc khác (Other activities)	<input type="checkbox"/>

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên (Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above):.....

.....

.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (Which area(s) do you apply for?):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------

area))	<input type="checkbox"/>
Khu vực sân đỗ tàu bay (Aircraft parking area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực đường hạ cánh, đường lăn (Runways and taxiways)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (Baggage sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (Transit/transfer area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (Cargo and mail sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhà khách phục vụ chuyên bay chuyên cơ (VVIP Flight Lounges)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (Baggage reclaim area at Arrival Terminal)	<input type="checkbox"/>
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (Passenger check-in area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hoá, bưu gửi (Cargo and mail accepting and holding area)	<input type="checkbox"/>
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (Airport/aerodrome water and electricity supply area)	<input type="checkbox"/>
Các khu vực khác (Other areas)	<input type="checkbox"/>

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for?*

(Specify the name of each airport):

Nội Bài	<input type="checkbox"/>	Điện Biên	<input type="checkbox"/>	Cát Bi	<input type="checkbox"/>	Thọ Xuân	<input type="checkbox"/>
Vinh	<input type="checkbox"/>	Đồng Hới	<input type="checkbox"/>	Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>	Phú Bài	<input type="checkbox"/>
Chu Lai	<input type="checkbox"/>	Pleiku	<input type="checkbox"/>	Phù Cát	<input type="checkbox"/>	Tuy Hoà	<input type="checkbox"/>
Cam Ranh	<input type="checkbox"/>	Buôn Ma Thuột	<input type="checkbox"/>	Liên Khương	<input type="checkbox"/>	Côn Sơn	<input type="checkbox"/>
Cần Thơ	<input type="checkbox"/>	Rạch Giá	<input type="checkbox"/>	Cà Mau	<input type="checkbox"/>	Phú Quốc	<input type="checkbox"/>
Tân Sơn Nhất	<input type="checkbox"/>						

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (Applicant's declaration):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý (I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ (Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà: là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20. (I hereby certify that Mr./Mrs is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above)

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà)
...không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ...
cấp; không áp dụng đối với người có thân phận ngoại giao); các mục từ 01 đến 21 khai là
đúng sự thật (*I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that
Mr./Mrs has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by the Justice
Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct*).

Không áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp đối với người thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ
chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương và người có thân phận ngoại giao (*The
Criminal Record evidence is not required for applicants who are Vietnamese government officials and
diplomats*).

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong Bản khai này của ông (bà) là
đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định (*I certify
that all information provided in this application are true and correct; otherwise I would take full responsibility*).

Ngày ... tháng ... năm...

(DD/MM/YY)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu
ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in 22
paragraphs must be filled; otherwise the application will be rejected*).

7. Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ quan có nhu cầu đề nghị cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn nộp hồ sơ đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không đánh giá và thẩm định hồ sơ về đối tượng và điều kiện cấp thẻ như sau:

- Cấp thẻ trong trường hợp đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ;
- Trường hợp không đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trường hợp hồ sơ có vấn đề chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ cấp mới (lần đầu):

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);
- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc nhiều cảng hàng không sân bay thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ hàng không.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 150.000 đồng/thẻ;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;
- Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Đối tượng được xem xét cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:
 - Cán bộ, nhân viên có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
 - Nhân viên của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch; doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không và doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình tại cảng hàng không, sân bay;
 - Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương;
 - Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;
 - Người điều khiển phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh.
- b) Điều kiện để được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:
 - Không có án tích theo quy định của pháp luật;
 - Được cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay, trừ đối tượng điều khiển phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục

tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Chỉ những người của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phục vụ chuyên cơ và được giao nhiệm vụ chuyên trách thường xuyên phục vụ chuyển bay, đoàn khách chuyên cơ mới được cấp vào khu vực chuyên cơ.

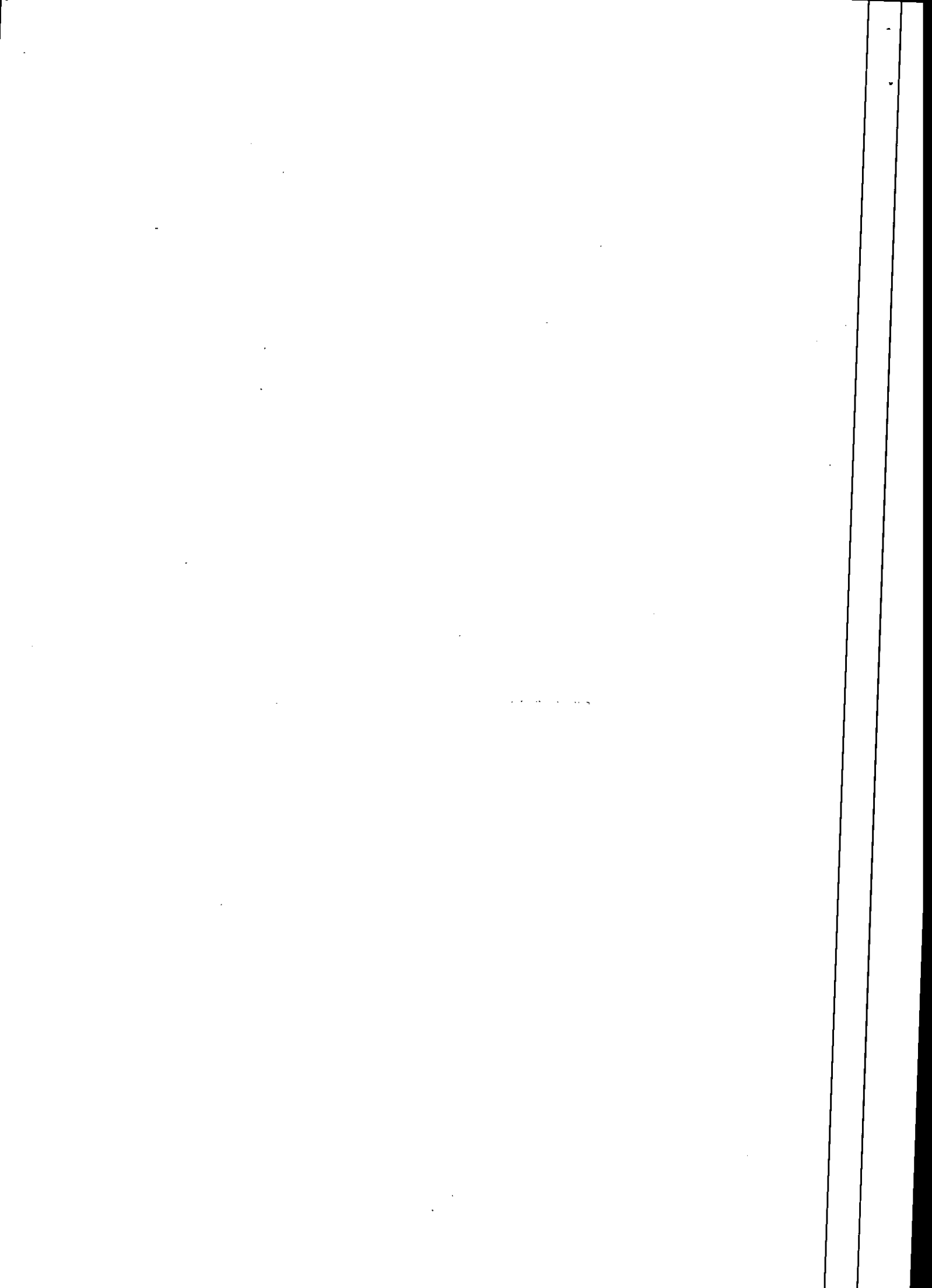
11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.



MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...

Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

(Recipients)

- Như trên;

-;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

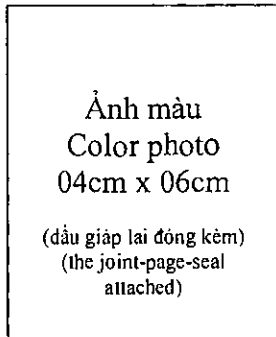
Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

**MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**



..., ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi:

To:

BẢN KHAI CÁ NHÂN số:¹

Personal Statement Form No:

1. Họ và tên (Full Name): 2. Giới tính (Gender):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh (Date of birth): ... / ... / ... 4. Dân tộc (Ethnic group):.....
5. Quê quán (Hometown): 6. Tôn giáo (Religion):
7. Quốc tịch (Nationality):
8. Chức vụ (Position): 9. Điện thoại liên lạc (Tel):.....
10. Chỗ ở hiện nay (Present address):.....

11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân (National ID card)/ Hộ chiếu (Passport No):.....

12. Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp(Place of issue):.....

13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (Working place):
.....

14. Thời hạn làm việc (Length of work):

14.1. Biên chế nhà nước (Permanent)

14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (Undefined-term contract)

14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (Definite-term contract)

Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)

14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (Seasonal contract)

Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)

15. Đặc điểm nhận dạng (Identity):

(Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân)
(Provide identity characteristics based on the national ID cards)

16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (Brief personal background for the last five years):
.....

¹ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời gian (Time)	Đơn vị công tác (Working place)	Chức vụ, công việc (Positions and duties)

17. Kỷ luật (Discipline):

18. Tiền án, tiền sự (Previous convictions):

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có) (Security permit number (if any)):

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas):

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (Levels of activities in restricted areas):

- Thường xuyên (Regular)

- Không thường xuyên (Irregular)

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (Activities in restricted areas)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hoá (Passenger, baggage and cargo handling)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (Aircraft maintenance, repair and cleaning)	<input type="checkbox"/>
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (Aircraft catering, refueling...)	<input type="checkbox"/>
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay (Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)	<input type="checkbox"/>
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport)	<input type="checkbox"/>
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (Airport/ terminal equipment maintenance)	<input type="checkbox"/>
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (Providing business and services at the terminal)	<input type="checkbox"/>
Làm các công việc khác phục vụ chuyên bay (Providing other services for flights)	<input type="checkbox"/>
Phục vụ chuyên cơ (VVIP flights)	<input type="checkbox"/>
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (Assisting visa for tourists)	<input type="checkbox"/>
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị (Welcoming and seeing off company's visitors)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan (Performing duties of the police, army and customs)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác (Professional tasks of competent authorities)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga (Terminal facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay (Airport facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Công việc khác (Other activities)	<input type="checkbox"/>

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên (Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above):

.....

.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (Which area(s) do you apply for?):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------

area))	
Khu vực sân đỗ tàu bay (<i>Aircraft parking area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (<i>Runways and taxiways</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (<i>Baggage sorting and loading area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (<i>Transit/transfer area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (<i>Cargo and mail sorting and loading area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhà khách phục vụ chuyên bay chuyên cơ (<i>VVIP Flight Lounges</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (<i>Baggage reclaim area at Arrival Terminal</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (<i>Passenger check-in area</i>)	<input type="checkbox"/>
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hoá, bưu gửi (<i>Cargo and mail accepting and holding area</i>)	<input type="checkbox"/>
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (<i>Airport/aerodrome water and electricity supply area</i>)	<input type="checkbox"/>
Các khu vực khác (<i>Other areas</i>)	<input type="checkbox"/>

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for?*
(Specify the name of each airport):

Nội Bài	<input type="checkbox"/>	Điện Biên	<input type="checkbox"/>	Cát Bi	<input type="checkbox"/>	Thọ Xuân	<input type="checkbox"/>
Vinh	<input type="checkbox"/>	Đồng Hới	<input type="checkbox"/>	Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>	Phú Bài	<input type="checkbox"/>
Chu Lai	<input type="checkbox"/>	Pleiku	<input type="checkbox"/>	Phù Cát	<input type="checkbox"/>	Tuy Hoà	<input type="checkbox"/>
Cam Ranh	<input type="checkbox"/>	Buôn Ma Thuột	<input type="checkbox"/>	Liên Khương	<input type="checkbox"/>	Côn Sơn	<input type="checkbox"/>
Cần Thơ	<input type="checkbox"/>	Rạch Giá	<input type="checkbox"/>	Cà Mau	<input type="checkbox"/>	Phú Quốc	<input type="checkbox"/>
Tân Sơn Nhất	<input type="checkbox"/>						

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý (*I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment*).

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (*I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations*).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(*Signature and full name of applicant*)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ (*Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit*).

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà: là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20 (*I hereby certify that Mr./Mrs is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above*).

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà)
...không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ...
cấp; không áp dụng đối với người có thân phận ngoại giao); các mục từ 01 đến 21 khai là
đúng sự thật (*I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that
Mr./Mrs has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by the Justice
Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct.*)

Không áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp đối với người thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ
chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương và người có thân phận ngoại giao. (*The
Criminal Record evidence is not required for applicants who are Vietnamese government officials and
diplomats*)

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong Bản khai này của ông (bà) là
đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định (*I certify
that all information provided in this application are true and correct; otherwise I would take full responsibility.*)

Ngày ... tháng ... năm...

(DD/MM/YY)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu
ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in 22
paragraphs must be filled; otherwise the application will be rejected.*)

8. Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ.

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ quan có nhu cầu đề nghị cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn nộp hồ sơ đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không đánh giá và thẩm định hồ sơ về đối tượng và điều kiện cấp thẻ như sau:

- Cấp thẻ cho người đề nghị trong trường hợp đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ;
- Trường hợp không đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện cấp thẻ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;
- Trường hợp hồ sơ có vấn đề chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

* Cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng, kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);
- 01 ảnh màu theo quy định như trên hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

* Cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng, kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

* Cấp lại do bị mất thẻ:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ;

- Văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất.

* Cấp lại do bị thu giữ thẻ:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng, kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ;

- Văn bản kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật và bản kiểm điểm cá nhân có nhận xét đánh giá của cơ quan xử lý vi phạm, kỷ luật.

* Cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

- Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

- 01 ảnh màu theo quy định như trên hoặc chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ

* Cấp lại do thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;
- Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối tượng được xem xét cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

- Cán bộ, nhân viên có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- Nhân viên của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch; doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không và doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình tại cảng hàng không, sân bay;
- Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương;
- Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;
- Người điều khiển phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh.

b) Điều kiện để được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

- Không có án tích theo quy định của pháp luật;
- Được cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay, trừ đối tượng điều khiển Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;
- Chỉ những người của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phục vụ chuyên cơ và được giao nhiệm vụ chuyên trách thường xuyên phục vụ chuyên bay, đoàn khách chuyên cơ mới được cấp vào khu vực chuyên cơ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép..

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
-;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

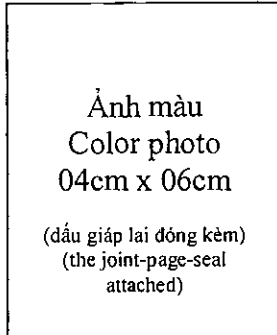
Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness



....., ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi:

To:

BẢN KHAI CÁ NHÂN số:¹

Personal Statement Form No:

1. Họ và tên (Full Name):
2. Giới tính (Gender):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh (Date of birth): ... / ... / ...
4. Dân tộc (Ethnic group):.....
5. Quê quán (Hometown):
6. Tôn giáo (Religion):
7. Quốc tịch (Nationality):
8. Chức vụ (Position):
9. Điện thoại liên lạc (Tel):.....
10. Chỗ ở hiện nay (Present address):.....
-
11. Số Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân (National ID card)/ Hộ chiếu (Passport No):.....
12. Ngày cấp (Date of issue): Nơi cấp (Place of issue):.....
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (Working place):
.....
14. Thời hạn làm việc (Length of work):
 - 14.1. Biên chế nhà nước (Permanent)
 - 14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (Undefined-term contract)
 - 14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (Definite-term contract)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)
 - 14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (Seasonal contract)
Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
(Contract from date ...month ... year ... to date ... month ... year ...)
15. Đặc điểm nhận dạng (Identity):
-

(Kê khai theo đặc điểm nhận dạng của giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân)
(Provide identity characteristics based on the national ID cards)

16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (Brief personal background for the last five years):

¹ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời gian (Time)	Đơn vị công tác (Working place)	Chức vụ, công việc (Positions and duties)

17. Kỷ luật (Discipline):

18. Tiền án, tiền sự (Previous convictions):

19. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp (nếu có) (Security permit number (if any)):

20. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas):.....

20.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (Levels of activities in restricted areas):

- Thường xuyên (Regular)

- Không thường xuyên (Irregular)

20.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (Activities in restricted areas)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hoá (Passenger, baggage and cargo handling)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (Aircraft maintenance, repair and cleaning)	<input type="checkbox"/>
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (Aircraft catering, refueling...)	<input type="checkbox"/>
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại nhà ga, sân bay (Aviation security patrol, guard and control at the terminal/ airport)	<input type="checkbox"/>
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại nhà ga, sân bay (Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the terminal/airport)	<input type="checkbox"/>
Bảo dưỡng trang thiết bị của nhà ga, sân bay (Airport/ terminal equipment maintenance)	<input type="checkbox"/>
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (Providing business and services at the terminal)	<input type="checkbox"/>
Làm các công việc khác phục vụ chuyên bay (Providing other services for flights)	<input type="checkbox"/>
Phục vụ chuyên cơ (VVIP flights)	<input type="checkbox"/>
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (Assisting visa for tourists)	<input type="checkbox"/>
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị (Welcoming and seeing off company's visitors)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan (Performing duties of the police, army and customs)	<input type="checkbox"/>
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác (Professional tasks of competent authorities)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga (Terminal facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, xây dựng công trình trong sân bay (Airport facilities construction and repair)	<input type="checkbox"/>
Công việc khác (Other activities)	<input type="checkbox"/>

20.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 20.2 trên (Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 20.2 above):.....

.....

20.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (Which area(s) do you apply for?):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------

area))	
Khu vực sân đỗ tàu bay (Aircraft parking area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (Runways and taxiways)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (Baggage sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (Transit/transfer area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (Cargo and mail sorting and loading area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (VVIP Flight Lounges)	<input type="checkbox"/>
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (Baggage reclaim area at Arrival Terminal)	<input type="checkbox"/>
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (Passenger check-in area)	<input type="checkbox"/>
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hoá, bưu gửi (Cargo and mail accepting and holding area)	<input type="checkbox"/>
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay (Airport/aerodrome water and electricity supply area)	<input type="checkbox"/>
Các khu vực khác (Other areas)	<input type="checkbox"/>

20.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for?*
(Specify the name of each airport):

Nội Bài	<input type="checkbox"/>	Điện Biên	<input type="checkbox"/>	Cát Bi	<input type="checkbox"/>	Thọ Xuân	<input type="checkbox"/>
Vinh	<input type="checkbox"/>	Đồng Hới	<input type="checkbox"/>	Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>	Phú Bài	<input type="checkbox"/>
Chu Lai	<input type="checkbox"/>	Pleiku	<input type="checkbox"/>	Phù Cát	<input type="checkbox"/>	Tuy Hoà	<input type="checkbox"/>
Cam Ranh	<input type="checkbox"/>	Buôn Ma Thuột	<input type="checkbox"/>	Liên Khương	<input type="checkbox"/>	Côn Sơn	<input type="checkbox"/>
Cần Thơ	<input type="checkbox"/>	Rạch Giá	<input type="checkbox"/>	Cà Mau	<input type="checkbox"/>	Phú Quốc	<input type="checkbox"/>
Tân Sơn Nhất	<input type="checkbox"/>						

21. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (Applicant's declaration):

21.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý (I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).

21.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (I have read and understood the regulations on the use of aviation security control badge. When granted the badge, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

22. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ (Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).

22.1. Tôi xác nhận Ông, bà: là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 20 (I hereby certify that Mr./Mrs is our employee who is assigned with the duties as described at paragraph 20 above).

22.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà)
...không có án tích (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ...
cấp; không áp dụng đối với người có thân phận ngoại giao); các mục từ 01 đến 21 khai là
đúng sự thật (*I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that
Mr./Mrs has no previous convictions or offences (Criminal Record No. ... dated ... issued by the Justice
Department); Statements in paragraphs from 01 to 21 are true and correct.*

Không áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp đối với người thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ
chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương và người có thân phận ngoại giao. (*The
Criminal Record evidence is not required for applicants who are Vietnamese government officials and
diplomats*).

22.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong Bản khai này của ông (bà) là
đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định (*I certify
that all information provided in this application are true and correct; otherwise I would take full responsibility*).

Ngày ... tháng ... năm...

(DD/MM/YY)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục; nếu
ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in 22
paragraphs must be filled; otherwise the application will be rejected*).

9. Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không và xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực (chứng minh nhân dân, chứng minh thư ngoại giao, hộ chiếu, thẻ Căn cước công dân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn).

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn không quá 60 phút, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ, cấp thẻ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp thẻ.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 60 phút, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn tại một cảng hàng không sân bay thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ hàng không.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : đồng/ thẻ;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;

- Mẫu danh sách đề nghị cấp thẻ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan đề nghị cấp thẻ xuất trình một một trong các giấy tờ còn hiệu lực (chứng minh thư nhân dân, chứng minh thư ngoại giao, hộ chiếu, thẻ Căn cước công dân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn).

- Đối tượng được xem xét cấp thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn bao gồm:

+ Cán bộ, nhân viên có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

+ Nhân viên của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch; doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không và doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình tại cảng hàng không, sân bay;

+ Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương;

+ Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;

+ Người điều khiển phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh;

+ Người có công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...

Name of organization

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

**MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN**

*(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ
quan/ đơn vị đề nghị).....)*

ST T	Họ và tên	Nam / Nữ	Số CMND / Hộ chiếu	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1							
2							
3							
....							
....							
....							
....							
TỔNG CỘNG							

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

- Ghi chú:
- Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.
 - CMND: Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân.

10. Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không đánh giá và thẩm định hồ sơ, trường hợp đáp ứng thì cấp giấy phép; trường hợp không đáp ứng, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

- Sau 05 ngày làm việc, kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách phương tiện được cấp giấy phép theo mẫu quy định cho Cảng vụ hàng không liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ cấp mới (lần đầu):

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không; người khai thác cảng hàng không, sân bay

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không; người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc nhiều cảng hàng không sân bay thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ hàng không.

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một cảng hàng không sân bay thuộc người khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : + 100.000 đồng/ giấy phép;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;

- Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyến bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay; điều kiện bổ sung để phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn:

+ Được phép lưu thông theo quy định của pháp luật;

+ Đáp ứng các yêu cầu của phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh;

- Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Đối với phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay, biển kiểm soát an ninh do Cảng vụ hàng không cấp đồng thời là giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyến bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

- Như trên;
-;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

**MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN**

ĐƠN VỊ

Số:.....
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm 20....

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác ⁽²⁾ thiết bị hàng không	Số chứng nhận kiểm định ⁽¹⁾ ATKT và BVMT giao thông / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuan khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.
- (2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

11. Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan đề nghị cấp lại giấy phép cho phương tiện gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không đánh giá và thẩm định hồ sơ, trường hợp đáp ứng thì cấp giấy phép; trường hợp không đáp ứng, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

- Sau 05 ngày làm việc, kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách phương tiện được cấp giấy phép theo mẫu quy định cho Cảng vụ hàng không liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp lại do ban hành mẫu giấy phép mới, giấy phép hết thời hạn sử dụng:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Thành phần hồ sơ cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Giấy phép bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Thành phần hồ sơ cấp lại do bị mất giấy phép:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không; người khai thác cảng hàng không, sân bay

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không; người khai thác cảng hàng không, sân bay.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc nhiều cảng hàng không sân bay thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ hàng không.

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng Không có giá trị sử dụng dài hạn tại một cảng hàng không sân bay thuộc người khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : + 100.000 đồng/giấy phép;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;

- Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyến bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay; điều kiện bổ sung để phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn:

+ Được phép lưu thông theo quy định của pháp luật;

+ Đáp ứng các yêu cầu của phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh;

- Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó

Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Đối với phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay, biển kiểm soát an ninh do Cảng vụ hàng không cấp đồng thời là giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyến bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay.

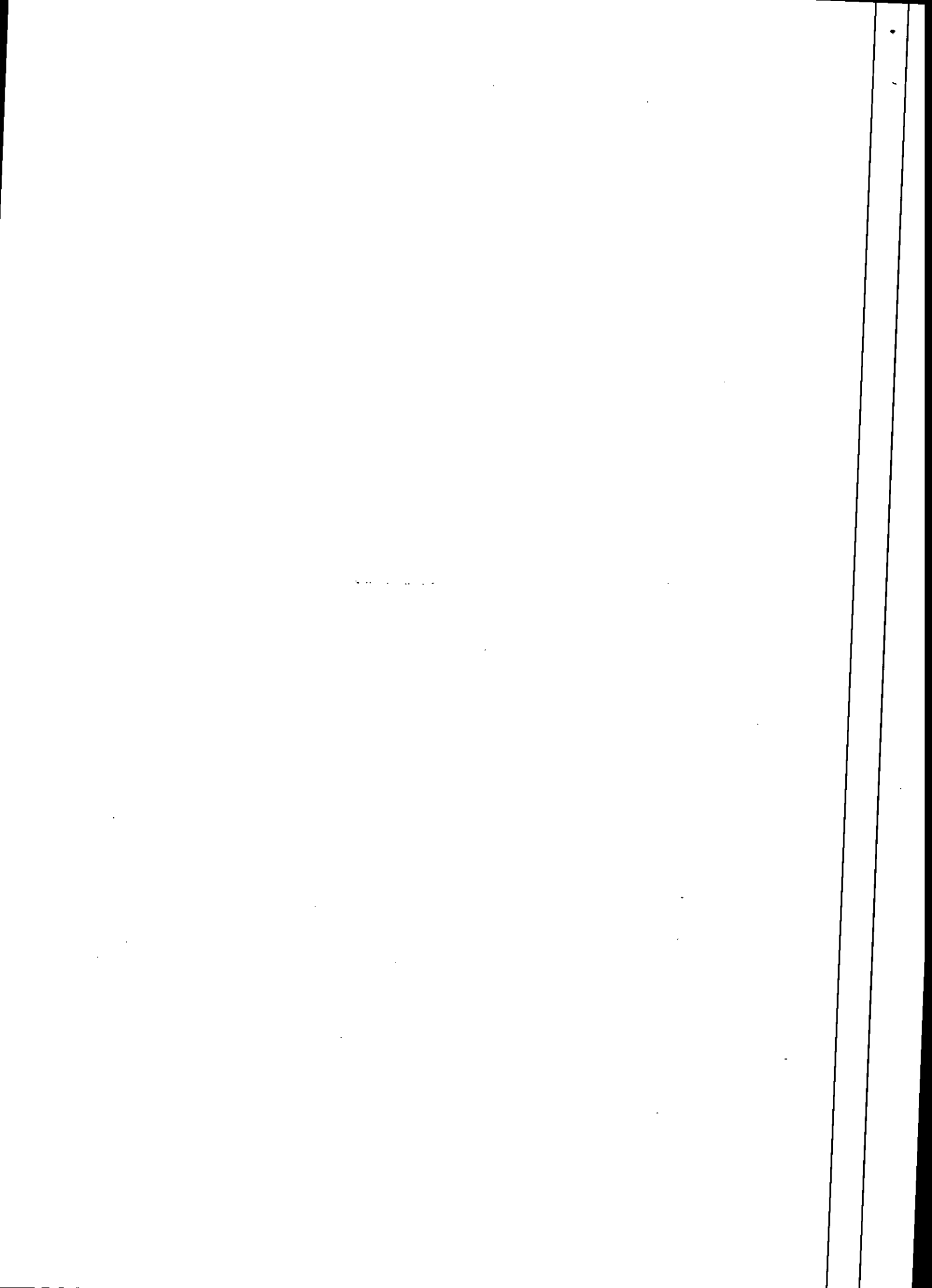
11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.



MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;

- ...;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

**MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN**

ĐƠN VỊ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm 20....

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Số chứng nhận kiểm định ATK/ và BVMT giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.
- (2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

12. Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 60 phút, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không; người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không; người khai thác cảng hàng không sân bay;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn tại một cảng hàng không sân bay.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 20.000 đồng/thẻ.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;
- Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương tiện được xem xét cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:

- + Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;
- + Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh có nhiệm vụ phục vụ chuyến bay chuyên cơ;
- + Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để: phục vụ các đối tượng đặc biệt; thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế.
- Phương tiện sau khi được cấp giấy phép vào hoạt động trong khu vực hạn chế phải có phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất hướng dẫn.
- Cơ quan đề nghị cấp giấy phép xuất trình Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

**MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐƠN VỊ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị)..... (Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện (1) / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không (2)	Số chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT giao thông (1) / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường (2)	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

13. Cấp lại giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không do hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan, đơn vị đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không gửi hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp lại giấy phép cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 30 ngày đối với cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực; tối đa 10 ngày đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp lại giấy phép do hết hạn hiệu lực:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Bản chính giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực;

- Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp;

- 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

b) Thành phần hồ sơ cấp lại giấy phép do bị hỏng:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Bản chính giấy phép bị hỏng;

- 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

c) Thành phần hồ sơ cấp lại giấy phép do bị mất:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

- 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 30 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép hết thời hạn hiệu lực, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- 10 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng không Việt Nam

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

8. Phí, lệ phí:

- Phí cấp lần đầu: 750.000 đồng/người/lần

- Lệ phí cấp lại : 100.000 đồng/người/lần

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn.

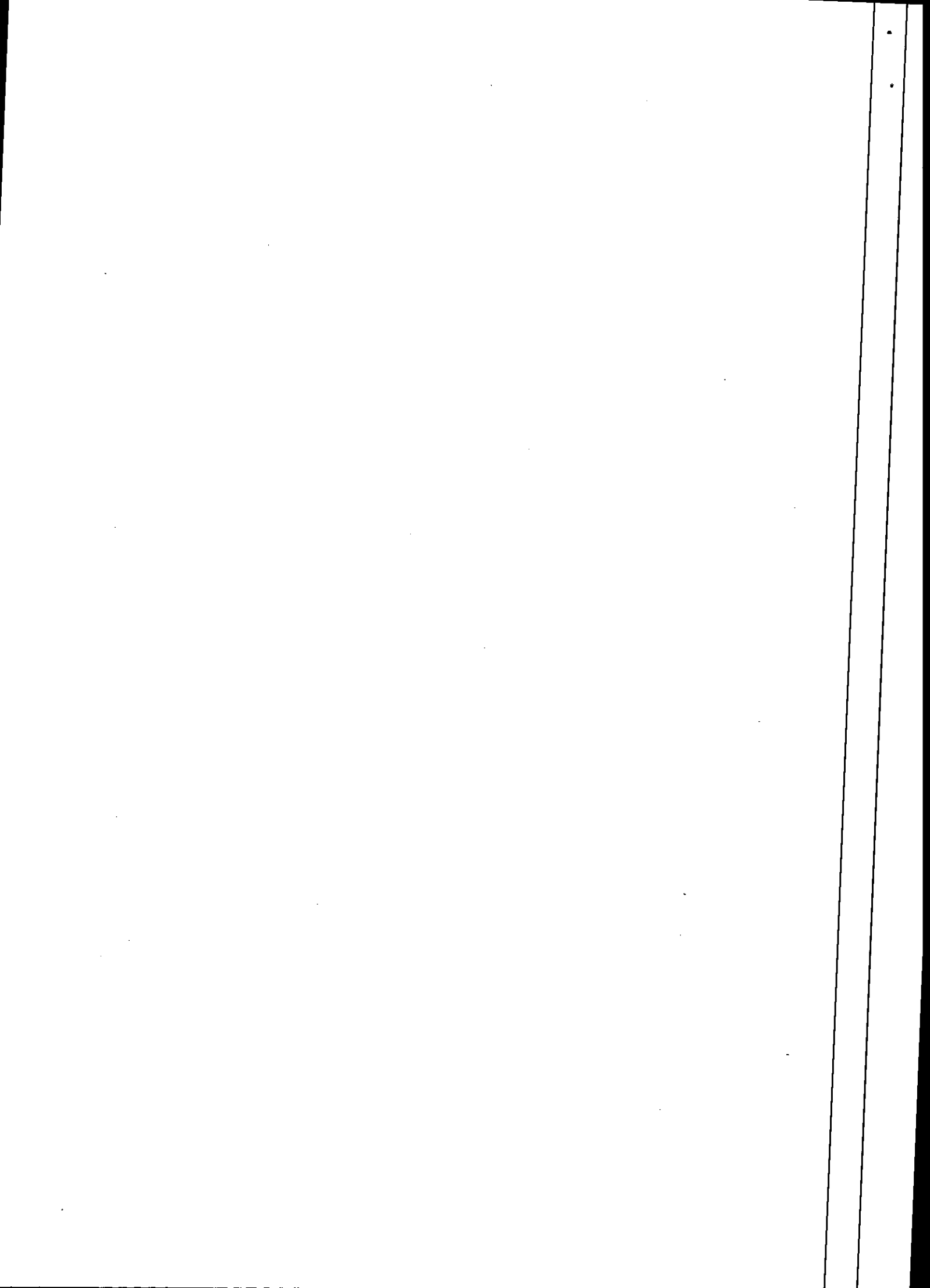
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn nhân viên hàng không và nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định (Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; không có tiền án, tiền sự theo quy định của pháp luật; không nghiện ma túy - sử dụng hoặc có kết quả dương tính đối với chất ma túy hoặc chất kích thích không được phép sử dụng);

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.



MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...

Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

- ...;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

14. Cấp gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan, đơn vị đề nghị cấp gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không gửi hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp lại gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp gia hạn, phục hồi năng định:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị gia hạn, phục hồi;

- Bản chính giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh.

b) Thành phần hồ sơ cấp bổ sung năng định:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;

- Bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu với trường hợp bổ sung năng định;

- Bản chính giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

8. Phí, lệ phí:

- Phí cấp gia hạn, bổ sung, phục hồi: 650.000 đồng/người/lần

- Lệ phí cấp gia hạn, bổ sung, phục hồi: 30.000 đồng/người/lần

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn nhân viên hàng không và nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định;

- Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

- Có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

- Tham dự kỳ thi cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh hàng không phù hợp do Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam tổ chức; đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

- ...;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

Phụ lục V

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG

(Kèm theo Quyết định số 2490/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay có nhu cầu phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Việt) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chương trình an ninh được sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....
V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹.....
Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:
Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

2. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hãng hàng không có nhu cầu phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không dân dụng gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Việt) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không Việt Nam đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu Hãng hàng không bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu hãng hàng không bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chương trình an ninh hàng không được sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....
V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹.....

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

3. Chấp thuận sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hãng hàng không có nhu cầu Chấp thuận sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Anh) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định chấp thuận nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu Hãng hàng không bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không Hãng hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu hãng hàng không bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận theo mẫu;
- Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài;
- Bảng đánh giá nội dung khác biệt của Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấp thuận sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chương trình an ninh hàng không được sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....
V/v (Subject):

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹.....

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

4. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không (Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; doanh nghiệp xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay) có nhu cầu phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế an ninh hàng không gửi hồ sơ đề nghị (bằng tiếng Việt) đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không đáp ứng đầy đủ các quy định hoặc có văn bản yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không bổ sung, sửa đổi nếu Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không bổ sung.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 03bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng An ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng không có liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Công văn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Quy chế an ninh hàng không được sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

- Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Quy chế an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

MẪU CÔNG VĂN

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject):

.....

... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm
(year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Quy chế an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Quy chế an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Quy chế, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

(Recipients)

- Như trên;

- ...;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.